SỞ Y TẾ QUẢNG NINH **BỆNH VIỆN SẢN NHI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 255/BVSN-TCU *V/v mời chào giá vật tư máy thở, phim y tế*	*Quảng Ninh, ngày 11 tháng 05 năm 2023*

Kính gửi: - Sở Y tế Quảng Ninh
- Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-BVSN ngày 15/02/2023 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động thường xuyên có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh;

Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm vật tư máy thở, phim y tế *(Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm).*

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp vật tư y tế nêu trên báo giá và cung cấp thông tin theo mẫu tại phụ lục 2.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 11/05/2023 đến trước 16 giờ 00 ngày 22/05/2023.

Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh *(Địa chỉ: khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)*

Điện thoại liên hệ: 02033.696568

Địa chỉ email: duocsannhi@gmail.com

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận: - *Nt (Phê duyệt);* - *Lưu: VT,TCU.*	**GIÁM ĐỐC** BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH QUẢNG NINH **Bùi Minh Cường**

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thư mời ngày 11/05/2023 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
I. Phim XQ cho máy in phim Carestream TX55				
1	Phim chụp X quang 35 x 43 cm	Nạp phim bằng cartridge dưới điều kiện ánh sáng thường. Chất liệu polyester. Có tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động. Kích cỡ phim (35x43cm) (±5%), phù hợp với máy in Laser Carestream TRIMAX TX55. Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485; CE; FDA)	Tờ	5.000
2	Phim chụp X quang 20 x25 cm	Nạp phim bằng cartridge dưới điều kiện ánh sáng thường. Chất liệu polyester. Có tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động. Kích cỡ phim (20x25cm) (±5%), phù hợp với máy in Laser Carestream TRIMAX TX55. Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485; CE; FDA)	Tờ	70.000
II. Phim XQ cho máy in phim Carestream 5950, 5700, 6950				
3	Phim chụp X quang 20 x25 cm	Phim Laser khô; kích thước 20x25 cm (±5%). Có thể nạp phim theo Cartridges dưới ánh sáng thường. Chất liệu polyester. Dùng cho máy in phim model: Carestream Dryview 5700, Dryview 5950, Dryview 6950; Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485; FDA)	Tờ	15.000
III. Vật tư tiêu hao cho máy thở cao tần HFOV 3100A				
4	Bộ dây thở cho máy thở cao tần	Bộ dây thở với dây nhiệt. Tương thích với máy thở cao tần HFOV 3100A	Cái	10
5	Bóng van	Nắp chụp/màng của các van. Tương thích với máy thở cao tần HFOV 3100A	Cái	10
6	Màng rung	Màng rung máy thở. Tương thích với máy thở cao tần HFOV 3100A	Bộ	15
7	Bộ dây nối tubeset máy thở cao tần	Bộ dây nối máy thở. Tương thích với máy thở cao tần HFOV 3100A	Bộ	10
IV. Vật tư tiêu hao cho máy thở cao tần Babylog VN500				
8	Bộ dây ống thở silicon các cỡ	Bộ dây ống thở silicon các cỡ cho máy Babylog VN500	Bộ	4
9	Bộ dây ống thở cao tần các cỡ	Bộ dây ống thở cao tần các cỡ cho máy Babylog VN500	Bộ	2
10	Đầu chữ Y có gắn sẵn cảm biến	Đầu chữ Y có gắn sẵn cảm biến. Tương thích với máy thở cao tần Babylog VN500	Bộ	5
11	Phin lọc	Phin lọc. Tương thích với máy thở cao tần Babylog VN500	Bộ	2
12	Sensor nhiệt dây máy thở	Sensor nhiệt dây máy thở. Tương thích với máy thở cao tần Babylog VN500	Bộ	4
V. Vật tư tiêu hao cho máy thở Newport E360				
13	Bộ dây máy thở các cỡ	Bộ dây máy thở các cỡ. Tương thích với máy thở Newport model E360	Bộ	25
14	Sensor nhiệt dây máy thở	Sensor nhiệt dây máy thở. Tương thích với máy thở Newport model E360	Cái	10
15	Bình làm ẩm máy thở	Bình làm ẩm máy thở. Tương thích với máy thở Newport E360	Cái	20
VI. Vật tư tiêu hao cho máy thở SIPAP				
16	Dây máy thở Sipap	Dây sử dụng một lần. Tương thích với máy thở SIPAP	Cái	20
17	Bộ lái dòng máy thở Sipap	Bộ định hướng dòng thở. Tương thích với máy thở SIPAP	Bộ	20
18	Gọng mũi máy thở Sipap các cỡ	Gọng mũi máy thở Sipap các cỡ.Tương thích với máy thở SIPAP	Cái	5
19	Mask mũi máy thở Sipap các cỡ	Mask mũi máy thở Sipap các cỡ. Tương thích với máy thở SIPAP	Cái	5
20	Đai giữ ống thở cố định qua vòng đầu các cỡ	Đai giữ ống thở cố định qua vòng đầu các cỡ.Tương thích với máy thở SIPAP	Cái	50
21	Bộ làm ẩm dùng nhiều lần	Cung cấp độ ẩm cho đường thở. Tương thích với máy thở SIPAP	Cái	10

22	Ống mũi máy CPAP	Chất liệu bằng nhựa PVC trong suốt dùng trong y tế, túi chứa dung tích 1.000ml (±5%). Ống dây chống vặn xoắn. Đầu kết nối chuẩn. Không có cao su. Dây oxy dài ≥ 2m. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	50
23	Ngạnh mũi máy CPAP các loại, các cỡ	Có vòng được mã hóa mầu sắc. Cỡ số 4-5; Vòng đệm có van để bơm hơi. Thành phần không có cao su. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	10
24	Dây thở máy Cpap	Có vòng được mã hóa mầu sắc. Cỡ số 2-3; Vòng đệm có van để bơm hơi. Thành phần không có cao su. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	10
25	Mũ CPAP các loại	Size 25-29cm. Size 29-36cm, size 36-39	Cái	100
26	Gọng mũi máy thở AIRVO	Khi sử dụng tương thích với Máy tạo độ ẩm AIRVO/AIRVO 2/myAIRVO/myAIRVO 2 với ống seri 900PT50x/55x; hoặc bộ ống & ngăn chứa nước (ví dụ 900PT501). - Sử dụng tương thích với Máy tạo độ ẩm MR850 ở chế độ xâm lấn, bộ seri RT với ống thở được làm ấm 22 mm và ngăn chứa nước (tức là RT202). Phạm vi lưu lượng: <60 L/phút Sản phẩm này được thiết kế để sử dụng một lần trong thời gian tối đa là 14 ngày.	Cái	30

Tên đơn vị báo giá:

Email:.....

PHỤ LỤC 2

BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

Công ty xin gửi tới quý cơ quan/đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau: Đơn vị tính: VNĐ

STT	Mã hàng hóa dùng chung theo quy định của BYT(thông tư 04)	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, Ký mã hiệu hàng hóa	Thông số kĩ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Hãng chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Giá trúng thầu 120 ngày gần nhất				Giá kê khai theo NĐ 98	Mã kê khai giá theo NĐ98
														Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra quyết định		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																			
2																			
3																			

Ghi chú:

(09) là giá trọn gói bao gồm các loại thuê, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Bệnh viện.

Báo giá này có hiệu lực.....kể từ ngày ký

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]